

Nghi Xuân, ngày 30 tháng 7 năm 2021

Số: 02/2021/QĐST-KDTM

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 7 Điều 48, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2021/TLST-KDTM ngày 04 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng T

Địa chỉ: 198 Trần Quang K, phường L, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân Th – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lâm C – Giám đốc chi nhánh Bắc Hà Tĩnh (Văn bản ủy quyền số 251 ngày 18/6/2018)

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Trường H – Phó trưởng ban xử lý nợ chi nhánh Bắc Hà Tĩnh (Văn bản ủy quyền số 109 ngày 17/02/2021)

Địa chỉ: Số A, đường Trần P, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

- *Bị đơn:* Công ty H

Địa chỉ: Thôn Linh Tr, xã Xuân Liên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Quang V – Sinh năm 1975 – Giám đốc

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Hoài T – Sinh năm 1975; Địa chỉ: Phòng A, Chung cư Green view 3, phường Lê Lợi, Tp Vinh, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công ty H và ngân hàng T có ký 05 Hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 34/2015/6300/DA ngày 16/4/2015 với số tiền: 2.440.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay: Đầu tư máy móc thiết bị, ao nuôi, nhà xưởng dự án nuôi tôm trên cát diện tích nuôi 3,4ha; Hợp đồng tín dụng từng lần số 34/2016/9296/TM ngày 21/10/2016 với số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nuôi tôm thẻ chân trắng; Hợp đồng tín dụng từng lần số

34/2017/9032/TM ngày 03/02/2017 với số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nuôi tôm thẻ chân trắng; Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 034/2017/9506/KDK ngày 12/9/2017 với số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nuôi tôm thẻ chân trắng; Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 034/2018/2385/KDK ngày 29/5/2018 với số tiền 1.300.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nuôi tôm thẻ chân trắng.

2.2. Công ty H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 17/02/2021 tổng số tiền là 5.498.100.302 (*Năm tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu, một trăm nghìn, ba trăm linh hai*) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 3.784.836.976 đồng, nợ lãi là 1.713.263.326 đồng theo 05 hợp đồng nói trên, cụ thể:

- + Đối với Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 34/2015/6300/DA ngày 16/4/2015 phải trả 2.634.635.246 đồng (trong đó nợ gốc 1.708.000.000 đồng, nợ lãi 926.635.246 đồng).

- + Đối với Hợp đồng tín dụng từng lần số Hợp đồng tín dụng từng lần số 34/2016/9296/TM ngày 21/10/2016 phải trả 173.399.919 đồng (trong đó nợ gốc 78.767.976 đồng, nợ lãi 94.631.943 đồng)

- + Đối với Hợp đồng tín dụng từng lần số 34/2017/9032/TM ngày 03/02/2017 phải trả 138.457.083 đồng (trong đó nợ gốc 98.069.000 đồng, nợ lãi 40.388.083 đồng).

- + Đối với Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 034/2017/9506/KDK ngày 12/9/2017 phải trả 971.531.341 đồng (trong đó nợ gốc 700.000.000 đồng, nợ lãi 271.531.341 đồng).

- + Đối với Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 034/2018/2385/KDK ngày 29/5/2018 phải trả 1.580.076.713 đồng (trong đó nợ gốc 1.200.000.000 đồng, nợ lãi 380.076.713 đồng).

2.3. Công ty H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ ngày 18/02/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà Công ty H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2.4. Trường hợp Công ty H không thực hiện hoặc thực hiện không đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng T được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý phát mãi tài sản thế chấp để bảo đảm để thu hồi nợ gồm: Toàn bộ trang trại nuôi trồng thủy sản trên diện tích 34224m² tại thửa đất số 2,3,4,5 tờ bản đồ số 05 tại địa chỉ: Thôn Linh Trù, xã Xuân Liên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh có Giấy CNQSD đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 965999 ngày 25/3/2015 mang tên Bùi Quang V theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 2016/TC/HP.01 ngày 18/11/2016.

Trường hợp tài sản bảo đảm nêu trên không đủ để trả nợ thì Công ty H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán khoản nợ.

2.5. Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, Điều 5, khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Ngân hàng T phải nộp 28.374.525 (*Hai mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi tư nghìn, năm trăm hai mươi lăm*) đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại đã nộp là 56.000.000 (*Năm mươi sáu triệu*) đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007538 ngày 28/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Nay được trả lại 27.625.475 (*Hai mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm bảy mươi lăm*) đồng.

Công ty H phải nộp 28.374.525 (*Hai mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi tư nghìn, năm trăm hai mươi lăm*) đồng án phí kinh doanh thương mại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Nghi Xuân;
- CCTHADS huyện Nghi Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký, đóng dấu)

Đặng Thị Hương